TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:432/2017/DS - ST
Ngày: 05/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Văn Quý
Bà Phan Thị Thúy Ngọc
-Thư ký phiên Tòa:Bà Dương Thị Lan Ngọc - *Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.*
-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2016/TLST- DS ngày 04/8/2016 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán'' theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:203/2017/QĐXXST-DS ngày 15/8/2017, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn:Bà Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1968 (Có mặt).
Địa chỉ: Đường A, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.
-Bị đơn:
1/Bà Trần Thị Kim P; Sinh năm: 1978 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Đường D, Phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
2/Ông Lê Ngọc T; Sinh năm:1973 (Vắng mặt).
Địa chỉ:Đường Q, Phường G, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê S; Sinh năm: 1968 (Có mặt).
Địa chỉ: Đường A, Phường B, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2016 và Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/7/2017 bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trình bày:Từ ngày 01/03/2015 bà có bán cho vợ chồng bà Trần Thị Kim P,

ông Lê Ngọc T mặt hàng quần Jean, phương thức thanh toán giao hàng đến cuối tuần trừ sổ dần và đến cuối năm thanh toán hết nợ, tính đến ngày 31/01/2016 vợ chồng bà P, ông T còn thiếu lại 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng) và hứa trả nợ vào tháng 02/2016 nhưng vẫn không chịu trả kéo dài cho đến nay. Nay bà yêu cầu bà P, ông T phải thanh toán cho bà số tiền còn thiếu là 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng).

Tại bản tự khai ngày 26/5/2017 và Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/7/2017 bà Trần Thị Kim P là bị đơn trình bày:Bà kinh doanh quần áo may sẵn tại chợ Tân Bình. Năm 2015 bà có mua quần Jean của bà Nguyễn Thị H, tính đến tháng 01/2016 bà còn thiếu tiền của bà H là 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng). Trong thời gian bà kinh doanh, ông T có phụ bà nhận hàng và giao hàng cho khách hàng. Việc mua bán phát sinh lợi nhuận, bà lo cho cuộc sống chung của gia đình. Nay bà H yêu cầu bà trả số tiền còn thiếu là 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng) bà cũng đồng ý nhưng do bà đang gặp khó khăn nên phải chờ gia đình nhận được tiền giải tỏa nhà thì bà sẽ trả cho bà H trong thời gian sớm nhất.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2017, Biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 10/7/2017 và Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/7/2017 ông Lê Ngọc T là bị đơn trình bày:Ông là chồng của bà Trần Thị Kim P. Năm 2015 bà P có mua bán quần Jean với bà H, ông có phụ bà P nhận hàng và giao hàng; còn tiền mua bán giữa bà P và bà H thì ông không biết và không liên quan gì. Việc bà P kinh doanh, lợi nhuận bà P phục vụ cho cuộc sống chung của gia đình. Nay, bà H yêu cầu ông cùng có trách nhiệm với bà P trả số tiền là 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng) ông không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 05/6/2017 và Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/7/2017 ông Lê S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị H. Bà H kinh doanh quần Jean, tiền vốn kinh doanh là tài sản chung của ông và bà H. Nay ông có cùng yêu cầu với bà H yêu cầu bà P, ông T phải có trách nhiệm trả số tiền mua quần Jean còn thiếu là 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà H yêu cầu bà P, ông T phải thanh toán cho bà số tiền còn thiếu là 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng), trong thời hạn một tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Bà không yêu cầu bà P, ông T trả lãi chậm trả.

Ông S có cùng yêu cầu với bà H.

Bà P, ông T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như các đương sự thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:Tại phiên tòa bà H yêu cầu bà P, ông T trả số tiền mua hàng còn thiếu là 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng) là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim P, ông Lê Ngọc T trả cho bà số tiền mua hàng còn thiếu là 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng), đây là vụ án dân sự tranh chấp về "Hợp đồng mua bán", bị đơn bà P, ông T có hộ khẩu thường trú tại quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19/7/2017 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất:Vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 15/8/2017. Ngày 11/8/2017 bà Trần Thị Kim P, ông Lê Ngọc T là bị đơn có xin hoãn phiên tòa. Ngày 15/8/2017 Hội đồng xét xử ra Quyết định Hoãn phiên tòa số:267/QĐST - DS với lý do bà P, ông T có đơn xin hoãn phiên tòa. Ngày 15/8/2017 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai:Vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 05/9/2017. Ngày 28/8/2017 ông T, bà P lại tiếp tục có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bà P sức khỏe không tốt nên không thể tham gia phiên tòa được nhưng bà P không có chứng cứ chứng minh bà có sức khỏe không tốt nên không có cơ sở chấp nhận đơn yêu cầu xin hoãn phiên tòa của ông T, bà P. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì phiên tòa vẫn được tiến hành theo quy định của pháp luật.

[2] Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị Kim P đều thừa nhận từ ngày 01/03/2015 bà H có bán cho bà P mặt hàng quần Jean, tính đến ngày 31/01/2016 bà P còn thiếu lại của bà H 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng), chưa trả nghĩ nên buộc bà P phải trả cho bà H số tiền 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng) là thỏa đáng.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông T cho rằng năm 2015 bà P có mua bán quần Jean với bà H, ông có phụ bà P nhận hàng và giao hàng; còn tiền mua bán giữa bà P và bà H ông không biết cũng như việc bà P có thiếu nợ bà H hay không ông không có liên quan gì, nên nay bà H yêu cầu ông cùng có trách nhiệm với bà P trả số tiền mua hàng còn thiếu là 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng) cho bà H, ông không đồng ý; Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào lời khai của ông T thì ông biết việc bà P và bà H có mua bán mặt hàng quần Jean với nhau, mỗi lần bà H giao hàng thì bà P, ông T nhận hàng. Như vậy, chứng tỏ ông T cùng với bà P mua bán mặt hàng quần Jean của bà H. Việc ông T cho rằng ông không liên quan đến việc mua bán của bà P là không có cơ sở chấp nhận; mặt khác bà P, ông T đều thừa nhận bà P kinh doanh, lợi nhuận bà P phục vụ cho cuộc sống chung của gia đình. Vì vậy ông T phải có trách nhiệm cùng bà Phụng trả nợ cho bà H là phù hợp.

Trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà H và ông Lê S đều thừa nhận số vốn kinh doanh nêu trên là tài sản chung của bà H, ông S nên bà P, ông T phải có trách nhiệm trả cho bà H, ông S số tiền trên.

Về tiền lãi:Tại phiên tòa bà H, ông S không yêu cầu bà P, ông T trả lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xét.

Về thời gian trả nợ: Căn cứ sự thừa nhận của các đương sự thì thời gian thiếu nợ tính đến nay đã quá lâu, bà P, ông T vẫn không thiện chí trả nợ cho bà H, ông S là vi phạm nghĩa vụ của người mua bán tài sản quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Do đó bà H, ông S đòi bà P, ông T phải trả số tiền 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng) cho bà H, ông S trong thời hạn một tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật là yêu cầu chính đáng, phù hợp với pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Từ những phân tích ở trên xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà P, ông T phải trả tiền cho bà H, ông S nên phải chịu án phí theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, cụ thể: 32.030.000 đồng x 5% = 1.601.500 đồng.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 430, 440, khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án năm 2009.

1.Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Kim P và ông Lê Ngọc T phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H và ông Lê S số tiền 32.030.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi ngàn đồng) trong thời hạn một tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị H, ông Lê S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Kim P, ông Lê Ngọc T chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng bà P, ông T còn phải trả cho bà H, ông S tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm: 1.601.500 đồng (Một triệu sáu trăm lẻ một ngàn năm trăm đồng) do bà Trần Kim P và ông Lê Ngọc T nộp.

Bà Nguyễn Thị H được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp 800.750 đồng (Tám trăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu số 0010948 ngày 01/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị H, ông Lê S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Kim P, ông Lê Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu